

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ HD

HD CAPITAL JSC

Số/No: ...140... /2026/CV-HDCAP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Independence - Freedom - Happiness

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 8 năm 2026

Ho Chi Minh City, August 14th, 2026

CÔNG BỐ THÔNG TIN
INFORMATION DISCLOSURE

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước/ *State Securities Commission*

- Tên Công ty
Company
- Tên giao dịch
Trading Name
- GP TL&HĐ số

Establishment and Operation License No

- Địa chỉ trụ sở chính

Head Office

- Điện thoại/Tel
- Fax
- Người thực hiện CBTT

Person in charge of information disclosure

- Chức danh/Title:
- Loại thông tin công bố:

Type of disclosure

- Nội dung thông tin công bố

Contents of disclosure

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ HD

HD Capital JSC

HDCapital

44/UBCK-GP do UBCKNN cấp lần đầu ngày 24/11/2008, sửa đổi, bổ sung từ thời điểm.

License No. 44/UBCK-GP, initially issued by the State Securities Commission of Vietnam on 24 November 2008, as amended and supplemented from time to time.

Lầu 7, Số 58 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Tân Định, TP.HCM, Việt Nam.

7th Floor, No. 58 Nguyen Dinh Chieu Street, Tan Dinh Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam

(84 28) 99986818

(84 28) 39151616

Nguyễn Thành Long

Tổng Giám đốc/ *General Director*

☒ định kỳ ☐ bất thường ☐ theo yêu cầu

☒ Periodic ☐ Extraordinary ☐ Request

Báo cáo tài chính soát xét bán niên năm 2026

Reviewed Financial Statements for the six-month period ended 30th June 2026.

Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính soát xét bán niên năm 2026

Reviewed Report on Financial Safety Ratios for the six-month period ended 30th June 2026.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 14/08/2026 tại đường dẫn: <https://hdcap.vn/danh-muc-quan-he/cong-ty/>

This information were published on the company's website on August 14th, 2026 as in the link <https://hdcap.vn/danh-muc-quan-he/cong-ty/>

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

We hereby certify that the information provided is true and correct and we bear the full responsibility before the law.

Tài liệu đính kèm:

Attachments:

Tài liệu liên quan đến nội dung thông tin công bố

Documents related to the disclosed information

NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CBTT
PERSON RESPONSIBLE FOR INFORMATION

DISCLOSURE

TỔNG GIÁM ĐỐC / *General Director*



Nguyễn Thành Long



Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (**VIETVALUES**)
Công ty thành viên của JPA International
Trụ sở chính : 33 Phan Văn Khỏe, Phường Chợ Lớn, Tp.HCM
Tel : +84 (28) 3859 4168 Fax : +84 (28) 3859 2285
Email : contact@vietvalues.com Website : www.vietvalues.com



BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 01 THÁNG 01 ĐẾN NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2026

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ HD

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
1. Báo cáo của Tổng Giám đốc	02 - 04
2. Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	05 - 06
3. Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2026	07 - 09
4. Kết quả kinh doanh giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026	10
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026	11
6. Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026	12
7. Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026	13 - 26

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ HD

Địa chỉ: Lầu 7, số 58 Nguyễn Đình Chiểu, P. Tân Định, Tp. Hồ Chí Minh

Báo cáo của Tổng Giám đốc

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

1. Khái quát chung về Công ty

Công ty CP Quản lý quỹ HD (tên cũ là Công ty CP Quản lý Quỹ đầu tư Chứng khoán Liên Minh Việt Nam) (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập theo Quyết định số 44/UBCK-GP ngày 24/11/2008 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp và Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 0306274696 do Sở kế hoạch và đầu tư Tp. Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 24/11/2008.

Trong quá trình hoạt động, Công ty có Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp đăng ký thay đổi gần nhất là thay đổi lần thứ 7 ngày 11 tháng 12 năm 2025 và Giấy phép điều chỉnh số 15/GPĐC-UBCK ngày 27/02/2025 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp về việc tăng vốn điều lệ.

Vốn điều lệ : 75.000.000.000 (bảy mươi lăm tỷ) đồng.

2. Trụ sở chính

Địa chỉ : Lầu 7, số 58 Nguyễn Đình Chiểu, P. Tân Định, Tp. Hồ Chí Minh.

Mã số thuế : 0306274696

Điện thoại : +84 (028) 99986818

3. Ngành nghề hoạt động

- Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán.
- Tư vấn đầu tư chứng khoán.
- Quản lý danh mục đầu tư chứng khoán.

4. Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và Ủy ban kiểm toán

4.1. Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/ Tái bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Quang Trung	Chủ tịch	08/07/2026	
Bà Nguyễn Lê Quỳnh Như	Thành viên	08/07/2026	
Ông Nguyễn Thành Long	Thành viên	08/07/2026	
Ông Darryl James Dong	Thành viên	08/07/2026	
Ông Erkan Bilal	Thành viên	22/05/2024	08/07/2026
Ông Nguyễn Công Nam	Thành viên	24/04/2025	08/07/2026

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ HD

Địa chỉ: Lầu 7, số 58 Nguyễn Đình Chiểu, P. Tân Định, Tp. Hồ Chí Minh

Báo cáo của Tổng Giám đốc (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

4.3. Ủy ban kiểm toán

Ủy ban kiểm toán của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/ Tái bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Bà Nguyễn Lê Quỳnh Như	Chủ tịch	08/07/2026	
Ông Nguyễn Công Nam	Chủ tịch	25/04/2025	08/07/2026
Ông Nguyễn Quang Trung	Thành viên	14/08/2024	

5. Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này là ông Nguyễn Quang Trung – Chủ tịch HĐQT và ông Nguyễn Thành Long – Tổng Giám đốc.

6. Đánh giá tình hình kinh doanh

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026 được thể hiện trong Báo cáo tài chính từ trang 07 đến trang 26.

7. Sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Theo ý kiến của Tổng Giám đốc, Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026 sẽ không bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi bất kỳ khoản mục, nghiệp vụ hay sự kiện quan trọng hoặc có bản chất bất thường nào phát sinh từ ngày kết thúc kỳ kế toán cho đến ngày lập Báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính giữa niên độ.

8. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt - **VIETVALUES** được chỉ định thực hiện soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026 của Công ty.

9. Trách nhiệm Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ HD

Địa chỉ: Lầu 7, số 58 Nguyễn Đình Chiểu, P. Tân Định, Tp. Hồ Chí Minh

Báo cáo của Tổng Giám đốc (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập các Báo cáo tài chính; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và các Báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ Kế toán áp dụng cho Công ty quản lý quỹ Việt Nam hiện hành.

Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Vào ngày lập báo cáo này, các thành viên Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc cho rằng không có bất kỳ tình huống nào có thể làm sai lệch các số liệu được phản ánh trên Báo cáo tài chính của Công ty. Không một thành viên nào của Hội đồng Quản trị hoặc Tổng Giám đốc có bất cứ khoản lợi nào từ một hợp đồng được ký kết với các công ty hay các bên liên quan.

10. Phê duyệt các Báo cáo tài chính

Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt các Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo. Các báo cáo này đã được lập một cách đúng đắn, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2026, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày của Công ty, đồng thời phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ Kế toán áp dụng cho Công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán được quy định tại Thông tư 125/2011/TT-BTC ban hành ngày 05 tháng 09 năm 2011 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 8 năm 2026.



NGUYỄN THÀNH LONG

Tổng Giám đốc

Số: 120802/26/BCKT/AUD-VVALUES

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ HD**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ HD (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập tại ngày 12 tháng 8 năm 2026, từ trang 07 đến trang 26, bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2026, Kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán áp dụng cho Công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán Việt Nam được quy định tại Thông tư số 125/2011/TT-BTC ban hành ngày 05 tháng 09 năm 2011 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về thông tin tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty CP Quản lý Quỹ HD tại ngày 30 tháng 06 năm 2026, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán áp dụng cho Công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán Việt Nam được quy định tại Thông tư số 125/2011/TT-BTC ban hành ngày 05 tháng 09 năm 2011 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 8 năm 2026

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt - **VIETVALUES**



Hoàng Thái Tân – Phó Tổng Giám đốc

Giấy CNDKHN kiểm toán số 2817-2025-071-1

Chữ ký được ủy quyền

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu **VIETVALUES**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2026

ĐVT: VNĐ

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
100	A- TÀI SẢN NGẮN HẠN		15.131.914.415	38.693.209.404
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	5.1	10.325.397.246	18.286.875.411
111	1. Tiền		6.989.975.326	9.286.875.411
112	2. Các khoản tương đương tiền		3.335.421.920	9.000.000.000
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	5.2	4.166.749.600	5.259.118.337
121	1. Đầu tư ngắn hạn		4.982.692.655	6.075.060.871
129	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		(815.943.055)	(815.942.534)
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		572.552.282	14.942.084.491
131	1. Phải thu của khách hàng		-	-
132	2. Trả trước cho người bán	5.3	45.338.707	40.478.707
134	3. Phải thu hoạt động nghiệp vụ	5.4	517.933.316	14.901.605.784
135	4. Các khoản phải thu khác		9.280.259	-
139	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		-	-
140	IV. Hàng tồn kho		-	-
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		67.215.287	205.131.165
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	5.5	57.215.287	205.131.165
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		-	-
154	3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước		-	-
158	4. Tài sản ngắn hạn khác		10.000.000	-
200	B- TÀI SẢN DÀI HẠN		30.925.368.727	12.840.281.736
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		-	-
220	II. Tài sản cố định		1.058.750.954	1.341.116.654
221	1. Tài sản cố định hữu hình	5.6	71.867.636	33.050.000
222	- Nguyên giá		108.424.800	59.490.000
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(36.557.164)	(26.440.000)
227	2. Tài sản cố định vô hình	5.7	986.883.318	1.308.066.654
228	- Nguyên giá		3.118.500.000	3.118.500.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(2.131.616.682)	(1.810.433.346)
250	III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	5.8	29.014.916.138	11.188.506.000
258	1. Đầu tư dài hạn khác		30.683.041.008	11.188.506.000
259	2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)		(1.668.124.870)	-
260	IV. Tài sản dài hạn khác		851.701.635	310.659.082
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	5.9	516.331.889	42.565.992
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		-	-
268	3. Tài sản dài hạn khác	5.10	335.369.746	268.093.090
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		46.057.283.142	51.533.491.140

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ HD

Địa chỉ: Lầu 7, số 58 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Tân Định, Tp. Hồ Chí Minh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2026

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
300	A- NỢ PHẢI TRẢ		467.739.172	901.122.948
310	I. Nợ ngắn hạn		467.739.172	901.122.948
311	1. Vay và nợ ngắn hạn		-	-
312	2. Phải trả người bán	5.11	155.569.877	75.346.514
313	3. Người mua trả tiền trước		-	-
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	5.12	116.786.814	201.720.051
315	5. Phải trả người lao động		165.011.126	374.020.383
316	6. Chi phí phải trả		30.000.000	250.036.000
319	7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác		371.355	-
330	II. Nợ dài hạn		-	-
400	B- NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU		45.589.543.970	50.632.368.192
410	I. Vốn chủ sở hữu		45.589.543.970	50.632.368.192
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	5.13	75.000.000.000	75.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		-	-
413	3. Vốn khác của chủ sở hữu		-	-
418	4. Quỹ dự phòng tài chính		-	-
419	6. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		-	-
420	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(29.410.456.030)	(24.367.631.808)
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		46.057.283.142	51.533.491.140

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ HD

Địa chỉ: Lầu 7, số 58 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Tân Định, Tp. Hồ Chí Minh

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2026

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1.	Tài sản cố định thuê ngoài		-	-
2.	Vật tư, chứng chỉ có giá nhận giữ hộ		-	-
3.	Tài sản nhận ký cược		-	-
4.	Nợ khó đòi đã xử lý		741.442.372	741.442.372
5.	Ngoại tệ các loại		-	-
6.	Chứng khoán lưu ký của Công ty quản lý quỹ	5.14	26.198.400.000	12.183.900.000
	Trong đó:			
6.1.	Chứng khoán giao dịch		26.190.900.000	12.183.900.000
6.2.	Chứng khoán chờ thanh toán		7.500.000	-
7.	Chứng khoán chưa lưu ký của Công ty quản lý quỹ		-	-
8.	Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác		1.988.656.380	1.343.425.665
8.1	Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác trong nước	5.15	1.988.656.380	1.343.425.665
9.	Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác		986.918.643.740	986.918.643.740
9.1	Nhà đầu tư ủy thác trong nước	5.16	986.918.643.740	986.918.643.740
10.	Các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác		-	-
11.	Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác		228.092.190	271.722.098

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 8 năm 2026

Người lập biểu/ Phụ trách kế toán

Tổng Giám đốc



TRƯƠNG NGỌC NHƯ QUỲNH



NGUYỄN THÀNH LONG

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ HD

Địa chỉ: Lầu 7, số 58 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Tân Định, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

ĐVT: VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1	2	3	4	5
01	1. Doanh thu	6.1	2.047.963.302	1.141.475.566
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh (10=01-02)		2.047.963.302	1.141.475.566
11	4. Chi phí hoạt động kinh doanh, giá vốn hàng bán	6.2	2.381.041.908	1.297.673.884
20	5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh (20=10-11)		(333.078.606)	(156.198.318)
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	6.3	2.342.403.890	810.242.083
22	7. Chi phí tài chính	6.4	2.004.277.603	89.937.242
25	8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	6.5	5.047.871.903	4.616.825.265
30	9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20-25)		(5.042.824.222)	(4.052.718.742)
31	10. Thu nhập khác		-	543.296.882
32	11. Chi phí khác		-	543.296.882
40	12. Lợi nhuận khác (40=31-32)		-	-
50	13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)		(5.042.824.222)	(4.052.718.742)
51	14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	6.6	-	-
52	15. Chi phí thuế TNDN hoãn lại		-	-
60	16. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)		(5.042.824.222)	(4.052.718.742)
70	17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	6.7	(672)	(605)
71	18. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	6.8	(672)	(605)

Người lập biểu/ Phụ trách kế toán



TRƯƠNG NGỌC NHƯ QUỲNH

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 8 năm 2026

Tổng Giám đốc



NGUYỄN THÀNH LONG

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

ĐVT: VND

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1	2	3	4	5
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Tiền thu từ hoạt động nghiệp vụ, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		16.442.078.941	1.407.215.153
02	2. Tiền chi trả cho hoạt động nghiệp vụ và người cung cấp hàng hóa dịch vụ		(1.708.944.480)	(1.963.125.799)
03	3. Tiền trả cho người lao động		(4.595.535.032)	(3.456.705.008)
04	4. Tiền chi trả lãi vay		-	-
05	5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp		-	-
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		96.829.277	-
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(1.273.483.362)	(1.008.216.965)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		8.960.945.344	(5.020.832.619)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm TSCĐ, XD TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(392.549.086)	(250.000.000)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		-	-
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác		(18.502.614.976)	-
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		17.237.589.000	2.141.041.096
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(17.014.025.600)	(36.204.783.550)
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		515.038.550	22.345.555.742
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		1.234.138.603	468.876.515
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(16.922.423.509)	(11.499.310.197)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	-
32	2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	-
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		-	-
34	4. Tiền trả nợ gốc vay		-	-
35	5. Tiền trả nợ thuê tài chính		-	-
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		-	-
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		-	-
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)		(7.961.478.165)	(16.520.142.816)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm	5.1	18.286.875.411	29.232.927.281
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	5.1	10.325.397.246	12.712.784.465

Người lập biểu/ Phụ trách kế toán



TRƯƠNG NGỌC NHƯ QUỲNH



NGUYỄN THÀNH LONG

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

ĐVT: VNĐ

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số dư đầu năm		Số tăng/giảm				Số dư cuối năm	
				Kỳ này		Kỳ trước			
		Tại ngày 01/01/2026	Tại ngày 01/01/2025	Tăng	Giảm	Tăng	Giảm	Tại 30/06/2026	Tại 30/06/2025
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		75.000.000.000	50.000.000.000	-	-	25.000.000.000	-	75.000.000.000	75.000.000.000
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(24.367.631.808)	(24.559.288.007)	-	(5.042.824.222)	-	(4.052.718.742)	(29.410.456.030)	(28.612.006.749)
Cộng		50.632.368.192	25.440.711.993	-	(5.042.824.222)	25.000.000.000	(4.052.718.742)	45.589.543.970	46.387.993.251

Người lập biểu/ Phụ trách kế toán

TRƯƠNG NGỌC NHƯ QUỲNH

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 8 năm 2026
Tổng Giám đốc



NGUYỄN THÀNH LONG

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Là công ty cổ phần.

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán.

1.3. Tổng số nhân viên và lao động

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tổng số nhân viên Công ty là 24 người (số đầu năm là 25 người).

1.4. Ngành nghề kinh doanh

- Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán.
- Tư vấn đầu tư chứng khoán.
- Quản lý danh mục đầu tư chứng khoán.

1.5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Doanh thu kỳ này tăng 79,41% so với kỳ trước nhưng các chi phí tài chính kỳ này tăng 2.128,53% so với kỳ trước (chủ yếu là trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh), do đó Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế kỳ này vẫn âm.

2. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1. Niên độ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính này được lập cho kỳ kế toán 06 tháng từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026.

2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán

Đơn vị tiền tệ được sử dụng trong kỳ kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 05 tháng 09 năm 2011 hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán của Bộ Tài chính.

3.2. Cam kết kế toán

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư HD cam kết tuân thủ đúng Luật kế toán, Chuẩn mực, Chế độ kế toán áp dụng cho Công ty quản lý quỹ Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 05 tháng 09 năm 2011 của Bộ Tài chính.

3.3. Hình thức kế toán áp dụng: Nhật ký chung trên máy vi tính.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

4.1. Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

- Tiền bao gồm: tiền mặt, tiền đang chuyển và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.
- Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền: bao gồm Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

4.2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời.

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo qui định của pháp luật.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá vốn của chính chứng khoán kinh doanh đó và hạch toán tăng doanh thu tài chính kể từ ngày mua. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá gốc. Việc xác định thị trường của chứng khoán kinh doanh niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc được giao dịch trên sàn UPCOM, giá trị hợp lý của chứng khoán niêm yết là giá đóng cửa tại ngày kết thúc kỳ kế toán, giá trị hợp lý của chứng khoán giao dịch trên sàn UPCOM là giá tham chiếu bình quân trong 30 ngày giao dịch liền kề gần nhất trước ngày kết thúc kỳ kế toán. Trường hợp tại ngày kết thúc kỳ kế toán thị trường chứng khoán không giao dịch thì giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

4.3. Các khoản phải thu và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi. Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào Chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

4.4. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán.

4.5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03

4.6. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng.

<u>Loại tài sản vô hình</u>	<u>Số năm</u>
Phần mềm	05

4.7. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận chủ yếu là các khoản doanh nghiệp có nghĩa vụ nợ phải trả và được ước tính đáng tin cậy.

4.8. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

- **Vốn đầu tư của chủ sở hữu:** Là số vốn thực góp của các cổ đông và được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận;
- **Thặng dư vốn cổ phần:** Là số chênh lệch lớn hơn (hoặc nhỏ hơn) giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu ở các công ty cổ phần khi phát hành cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ;
- **Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối:** Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Bảng cân đối kế toán là số lợi nhuận (lãi hoặc lỗ) từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của năm trước;

- Nguyên tắc trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế: Theo Điều lệ Công ty và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

4.9. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm kế toán.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính

Thu nhập từ hoạt động đầu tư chứng khoán kinh doanh và lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, trừ khi khả năng thu hồi thu nhập đầu tư chứng khoán và tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

4.10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

▪ Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế suất thuế TNDN hiện hành: 20%.

▪ Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ HD

Địa chỉ: Lầu 7, số 58 Nguyễn Đình Chiểu, P. Tân Định, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

4.11. Bên liên quan

- Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

- Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (ĐVT: VNĐ)**5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Tiền mặt	5.345.344.000	-
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.644.631.326	9.286.875.411
Trong đó:		
+ Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh	514.939.740	9.022.570.830
+ Các ngân hàng khác	1.129.691.586	264.304.581
- Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới 3 tháng	3.335.421.920	9.000.000.000
Cộng	10.325.397.246	18.286.875.411

5.2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Giá gốc các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	4.982.692.655	6.075.060.871
+ Công ty CP Chứng khoán MB (MBS)	1.620.471.300	1.798.576.300
+ Các khoản đầu tư khác	3.362.221.355	4.276.484.571
- Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn	(815.943.055)	(815.942.534)
Cộng	4.166.749.600	5.259.118.337

5.3. Trả trước cho người bán

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Trả trước cho các người bán khác	45.338.707	40.478.707
Cộng	45.338.707	40.478.707

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ HD

Địa chỉ: Lầu 7, số 58 Nguyễn Đình Chiểu, P. Tân Định, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

5.4. Phải thu hoạt động nghiệp vụ

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu hoạt động quản lý danh mục đầu tư	228.092.190	271.722.098
- Công ty Liên doanh TNHH Phát triển Đô thị mới An Khánh	74.794.517	125.753.422
- Các đối tượng khác	153.297.673	145.968.676
Phải thu hoạt động tư vấn đầu tư	36.400.000	14.336.400.000
- Khác	36.400.000	14.336.400.000
Phải thu hoạt động quản lý quỹ	253.441.126	293.483.686
- Quỹ đầu tư trái phiếu lợi tức cao HD	42.849.236	44.294.872
- Quỹ đầu tư cổ phiếu tăng trưởng Rồng Vàng	44.794.544	46.964.189
- Quỹ đầu tư doanh nghiệp tiềm năng	165.797.346	202.224.625
Cộng	517.933.316	14.901.605.784

5.5. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Công cụ, dụng cụ đang sử dụng	53.573.617	112.077.831
- Chi phí trả trước ngắn hạn khác	3.641.670	93.053.334
Cộng	57.215.287	205.131.165

5.6. Tài sản cố định hữu hình

	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá		
Số đầu năm	59.490.000	59.490.000
Tăng trong kỳ	48.934.800	48.934.800
Giảm trong kỳ	-	-
Số cuối kỳ	108.424.800	108.424.800
Giá trị hao mòn		
Số đầu năm	26.440.000	26.440.000
Khấu hao trong kỳ	10.117.164	10.117.164
Số cuối kỳ	36.557.164	36.557.164
Giá trị còn lại		
Số đầu năm	33.050.000	33.050.000
Số cuối kỳ	71.867.636	71.867.636

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ HD

Địa chỉ: Lầu 7, số 58 Nguyễn Đình Chiểu, P. Tân Định, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

5.7. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá		
Số đầu năm	3.118.500.000	3.118.500.000
Tăng trong kỳ	-	-
Giảm trong kỳ	-	-
Số cuối kỳ	3.118.500.000	3.118.500.000
Giá trị hao mòn		
Số đầu kỳ	1.810.433.346	1.810.433.346
Khấu hao trong kỳ	321.183.336	321.183.336
Số cuối kỳ	2.131.616.682	2.131.616.682
Giá trị còn lại		
Số đầu năm	1.308.066.654	1.308.066.654
Số cuối kỳ	986.883.318	986.883.318

5.8. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Giá gốc các khoản đầu tư tài chính dài hạn	30.683.041.008	11.188.506.000
<i>Trong đó:</i>		
+ Trái phiếu CII425021	21.745.950.558	5.051.835.550
+ Khác	8.937.090.450	6.136.670.450
- Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	(1.668.124.870)	-
Cộng	29.014.916.138	11.188.506.000

5.9. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Công cụ, dụng cụ đang sử dụng	516.331.889	42.565.992
Cộng	516.331.889	42.565.992

5.10. Tài sản sản dài hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Ký quỹ, ký cược	335.369.746	268.093.090
Cộng	335.369.746	268.093.090

5.11. Phải trả người bán

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế và Đầu tư XD Bình Minh Việt	84.422.356	-
- Công ty TNHH MTV Viễn thông Quốc tế FPT	63.250.000	63.250.000
- Phải trả người bán khác	29.069.877	12.096.514
Cộng	155.569.877	75.346.514

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ HD

Địa chỉ: Lầu 7, số 58 Nguyễn Đình Chiểu, P. Tân Định, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

5.12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp	Phải thu
-Thuế GTGT	-	-	-	-	-	-
-Thuế TNDN	-	-	-	-	-	-
-Thuế TNCN	201.720.051	-	390.236.919 (475.170.156)		116.786.814	-
Cộng	201.720.051	-	390.236.919 (475.170.156)		116.786.814	-

5.13. Vốn đầu tư của chủ sở hữu**a. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Vốn đã góp	Tỷ lệ %	Vốn đã góp	Tỷ lệ %
- Ông Phạm Văn Đầu	39.000.000.000	52,00	39.000.000.000	52,00
- Các chủ sở hữu khác	36.000.000.000	48,00	36.000.000.000	48,00
Cộng	75.000.000.000	100,00	75.000.000.000	100,00

b. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	Kỳ này	Kỳ trước
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	75.000.000.000	50.000.000.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	25.000.000.000
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp cuối kỳ	75.000.000.000	75.000.000.000

b. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	7.500.000	7.500.000
Cổ phiếu phổ thông	7.500.000	7.500.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu bán ra công chúng	7.500.000	7.500.000
Cổ phiếu phổ thông	7.500.000	7.500.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	7.500.000	7.500.000
Cổ phiếu phổ thông	7.500.000	7.500.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)	10.000	10.000

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ HD

Địa chỉ: Lầu 7, số 58 Nguyễn Đình Chiểu, P. Tân Định, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

5.14. Chứng khoán lưu ký của Công ty quản lý quỹ

Là giá trị các chứng khoán Công ty đang nắm giữ tại ngày cuối kỳ theo mệnh giá.

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Giá trị các chứng khoán là cổ phiếu (mệnh giá 10.000/cổ phiếu)	1.961.000.000	2.212.000.000
- Giá trị các chứng khoán là trái phiếu (mệnh giá 100.000/trái phiếu)	24.237.400.000	9.971.900.000
Cộng	26.198.400.000	12.183.900.000

5.15. Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác trong nước

	Kỳ này	Kỳ trước
Số dư đầu năm	1.137.112.933	400.079.753
Số tăng trong kỳ	24.394.357.677	255.081.215.864
- Lãi từ tiền gửi của nhà đầu tư	1.648.948	11.610.763
- Nhận tiền ủy thác	-	67.600.000.000
- Nộp tiền thanh toán phí	222.052.729	156.284.101
- Bán chứng khoán	-	185.039.660.000
- Cổ tức được nhận	24.170.656.000	2.273.661.000
Số giảm trong kỳ	23.542.814.230	(254.993.756.226)
- Phí quản lý	272.158.230	(539.061.972)
- Rút vốn ủy thác, lãi	23.270.656.000	(240.505.500.816)
- Mua chứng khoán	-	(13.949.193.438)
Số dư cuối kỳ	1.988.656.380	487.539.391

5.16. Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác trong nước

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2026

Chỉ tiêu	Giá trị đầu tư [1]	Giá trị thị trường [2]	Tăng/(Giảm) [2]-[1]
a) Nhà đầu tư ủy thác trong nước			
Cổ phiếu niêm yết	680.627.420.000	1.195.306.564.200	514.679.144.200
SIP	145.523.590.000	179.622.004.200	34.098.414.200
VRG	27.600.000.000	11.600.000.000	(16.000.000.000)
QTP	1.454.230.000	1.180.000.000	(274.230.000)
PET	506.049.600.000	1.002.904.560.000	496.854.960.000
Cổ phiếu không niêm yết	306.291.223.740	303.723.223.740	(2.568.000.000)
Công ty CP Khách sạn và Du Lịch Thiên Thai (*)	200.000.000.000	200.000.000.000	-
Công ty CP Kinh doanh BĐS Phát triển Nhà TP (HDBReal) (*)	72.666.223.740	72.666.223.740	-
Công ty CP Chứng khoán Đại Việt (*)	30.625.000.000	30.625.000.000	-
- Công ty CP Chế biến Thủy sản Út Xi (UXC)	3.000.000.000	432.000.000	(2.568.000.000)
Cộng	986.918.643.740	1.499.029.787.940	512.111.144.200

(*) Cổ phiếu chưa niêm yết không có giá trị giao dịch thị trường, do đó giá trị thị trường được xác định theo giá trị đầu tư do không có đủ cơ sở đáng tin cậy để xác định giá thị trường.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ HD

Địa chỉ: Lầu 7, số 58 Nguyễn Đình Chiểu, P. Tân Định, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Chỉ tiêu	Giá trị đầu tư [1]	Giá trị thị trường [2]	Tăng/(Giảm) [2]-[1]
b) Nhà đầu tư ủy thác trong nước			
Cổ phiếu niêm yết	680.627.420.000	830.750.016.400	150.122.596.400
SIP	145.523.590.000	187.835.336.400	42.311.746.400
VRG	27.600.000.000	14.400.000.000	(13.200.000.000)
QTP	1.454.230.000	1.250.000.000	(204.230.000)
PET	506.049.600.000	627.264.680.000	121.215.080.000
Cổ phiếu không niêm yết	306.291.223.740	304.011.223.740	(2.280.000.000)
Công ty CP Khách sạn và Du Lịch Thiên Thai (*)	200.000.000.000	200.000.000.000	-
Công ty CP Kinh doanh BĐS Phát triển Nhà TP (HDBReal) (*)	72.666.223.740	72.666.223.740	-
Công ty CP Chứng khoán Đại Việt (*)	30.625.000.000	30.625.000.000	-
- Công ty CP Chế biến Thủy sản Út Xi (UXC)	3.000.000.000	720.000.000	(2.280.000.000)
Cộng	986.918.643.740	1.134.761.240.140	147.842.596.400

(*) Cổ phiếu chưa niêm yết không có giá trị giao dịch thị trường, giá trị thị trường được xác định theo giá trị đầu tư do không có đủ cơ sở đáng tin cậy để xác định giá thị trường.

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (ĐVT: VNĐ)

6.1. Doanh thu

	Kỳ này	Kỳ trước
- Doanh thu hoạt động quản lý danh mục đầu tư	790.401.973	670.348.596
- Doanh thu hoạt động tư vấn đầu tư chứng khoán	218.400.000	218.400.000
- Doanh thu dịch vụ quản lý quỹ đầu tư	1.039.161.329	252.726.970
Cộng	2.047.963.302	1.141.475.566

6.2. Chi phí hoạt động kinh doanh, giá vốn hàng bán

Là các chi phí liên quan đến hoạt động quản lý danh mục đầu tư, tư vấn đầu tư chứng khoán và quản lý quỹ đầu tư.

	Kỳ này	Kỳ trước
- Chi phí hoạt động quản lý danh mục đầu tư, tư vấn chứng khoán và quản lý quỹ đầu tư	2.381.041.908	1.297.673.884
Cộng	2.381.041.908	1.297.673.884

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ HD

Địa chỉ: Lầu 7, số 58 Nguyễn Đình Chiểu, P. Tân Định, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

6.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ này	Kỳ trước
- Lãi tiền gửi ngân hàng, lãi trái phiếu	701.356.580	471.210.780
- Lãi từ hoạt động kinh doanh chứng khoán	1.570.257.446	339.031.303
- Cổ tức được nhận	70.789.864	-
Cộng	2.342.403.890	810.242.083

6.4. Chi phí tài chính

	Kỳ này	Kỳ trước
- Lỗ từ hoạt động kinh doanh chứng khoán	326.895.312	24.477.166
- Dự phòng/(hoàn nhập dự phòng) giảm giá các khoản đầu tư	1.668.125.391	65.460.076
- Chi phí tài chính khác	9.256.900	-
Cộng	2.004.277.603	89.937.242

6.5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ này	Kỳ trước
- Chi phí nhân viên	2.438.708.779	2.242.335.340
- Chi phí công cụ, đồ dùng văn phòng	97.413.792	73.387.826
- Chi phí khấu hao	331.300.500	307.765.002
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.712.266.359	1.650.876.446
- Chi phí bằng tiền khác	468.182.473	342.460.651
Cộng	5.047.871.903	4.616.825.265

6.6. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Kỳ này	Kỳ trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(5.042.824.222)	(4.052.718.742)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
+ Cổ tức được chia	-	-
Thu nhập chịu thuế	(5.042.824.222)	(4.052.718.742)
Chuyển lỗ những năm trước (*)	-	-
Thu nhập tính thuế	-	-
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế TNDN phải nộp từ thu nhập tính thuế trong kỳ	-	-
Thuế TNDN phải nộp của các năm trước	-	-
Tổng Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ HD

Địa chỉ: Lầu 7, số 58 Nguyễn Đình Chiểu, P. Tân Định, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

Bảng theo dõi chuyển lỗ:

Năm phát sinh lỗ thu nhập chịu thuế	Số lỗ thu nhập chịu thuế được chuyển	Số lỗ thu nhập chịu thuế đã chuyển các kỳ trước	Số lỗ thu nhập chịu thuế đã chuyển kỳ này	Số lỗ thu nhập chịu thuế còn được chuyển sang các kỳ sau
2021	(828.474.238)	368.719.808		(459.754.430)
2022	(6.895.887.791)	-	-	(6.895.887.791)
2023	(10.918.508.308)	-	-	(10.918.508.308)
2024	(890.182.169)	-	-	(890.182.169)
Cộng	(19.533.052.506)	368.719.808	-	(19.164.332.698)

6.7. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(5.042.824.222)	(4.052.718.742)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	(5.042.824.222)	(4.052.718.742)
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ (cp)	7.500.000	6.698.895
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/cp)	(672)	(605)

6.8. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(5.042.824.222)	(4.052.718.742)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
Lợi nhuận tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	(5.042.824.222)	(4.052.718.742)
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ (cp)	7.500.000	6.698.895
Lãi suy giảm trên cổ phiếu (đồng/cp)	(672)	(605)

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ HD*Địa chỉ: Lầu 7, số 58 Nguyễn Đình Chiểu, P. Tân Định, Tp. Hồ Chí Minh***Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)***Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026***7. THÔNG TIN BỔ SUNG KHÁC (ĐVT: VNĐ)****7.1 Giao dịch với các bên liên quan****7.1.1 Thu nhập của các thành viên chủ chốt (các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc) của Công ty**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Thù lao	210.000.000	170.000.000
Ông Nguyễn Quang Trung (Chủ tịch HĐQT)	90.000.000	90.000.000
Ông Nguyễn Thành Long (TV HĐQT)	60.000.000	60.000.000
Bà Nguyễn Lê Quỳnh Như (TV HĐQT)	60.000.000	20.000.000
Lương	921.100.000	910.857.000
Ông Nguyễn Thành Long (Tổng GD)	921.100.000	910.857.000
Cộng	1.131.100.000	1.080.857.000

7.1.2 Giao dịch với các bên liên quan khác

Bên liên quan	Mối liên quan	Nội dung giao dịch	Kỳ này	Kỳ trước
Quỹ Đầu tư trái phiếu lợi tức cao HD ("Quỹ HDBOND")	Là quỹ mở được quản lý bởi Công ty CP Quản lý quỹ HD	Doanh thu phí dịch vụ quản lý quỹ	262.226.878	252.726.970
Quỹ Đầu tư Doanh nghiệp Tiềm Năng ("Quỹ PEIF")	Là quỹ thành viên được quản lý bởi Công ty CP Quản lý quỹ HD	Doanh thu phí dịch vụ quản lý quỹ	496.854.563	-
Quy đầu tư cổ phiếu tăng trưởng Rông Vàng (Quỹ "GDEGF")	Là quỹ thành viên được quản lý bởi Công ty CP Quản lý quỹ HD	Doanh thu phí dịch vụ quản lý quỹ	276.794.398	-

7.2 Thông tin báo cáo bộ phận**▪ Thông tin báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Doanh thu phát sinh trong kỳ của Công ty chủ yếu từ hoạt động dịch vụ quản lý danh mục đầu tư. Quản lý quỹ mở và tư vấn đầu tư chứng khoán.

▪ Thông tin báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Công ty diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

7.3 Khả năng hoạt động kinh doanh liên tục

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính không có yếu tố nào cho thấy có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Do vậy, Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026 được lập dựa trên giả thiết Công ty hoạt động kinh doanh liên tục.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ HD

Địa chỉ: Lầu 7, số 58 Nguyễn Đình Chiểu, P. Tân Định, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

7.4 Sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 8 năm 2026.

Người lập biểu/ Phụ trách kế toán



TRƯƠNG NGỌC NHƯ QUỲNH



Tổng Giám đốc

NGUYỄN THÀNH LONG



REVIEW REPORTS ON INTERIM FINANCIAL INFORMATION

FOR THE PERIOD FROM 01ST JANUARY TO 30TH JUNE 2026

HD CAPITAL JOINT STOCK COMPANY

CONTENTS

Contents	Page
1. Report of the General Director	02 – 04
2. Review Reports on Interim Financial Information	05 – 06
3. Interim Balance Sheet as at 30 th June 2026	07 – 09
4. Interim Income statement for the six-month period ended 30 th June 2026	10
5. Interim Cash Flows Statement for the six-month period ended 30 th June 2026	11
6. The Statement of Owners' Equity for the six-month period ended 30 th June 2026	12
7. Notes to the interim Financial Statements for the fiscal year ended 31 st December 2026	13 – 26

REPORT OF THE GENERAL DIRECTOR

1. General information of the Company

HD Capital JSC, formerly known as Lien Minh Vietnam Securities Investment Fund Management Joint Stock Company (hereafter referred to as “the Company”) is a joint stock company and set up in accordance with the Decision No. 44/UBCK-GP dated 24th November 2008 issued by the State Securities Commission and the initial Business Registration Certificate No. 0306274696 dated 24th November 2008 granted by the Department of Planning and Investment of Ho Chi Minh city.

During its operation, the Company has been granted the latest 7th amendmend registration dated 11th December 2025 and the Amended License No. 15/GPĐC-UBCK dated 27th February 2025 by the State Securities Commission on increasing charter capital.

Charter capital : VND 75,000,000,000 (Vietnam Dong Seventy Five Billion only).

2. Registered office

Address : 7th Floor, No. 58 Nguyen Dinh Chieu street, Tan Dinh ward, Ho Chi Minh city.

Tax code : 0 3 0 6 2 7 4 6 9 6

Tel. : +84 (28) 9998 6818

3. Business activities

- Securities investment fund management.
- Securities investment consulting.
- Securities investment portfolio management.

4. The Board of Management, the General Director and the Audit Committee

4.1. The Board of Management

The Board of Management of the Company during period and as of date of this report include:

Full name	Position	Appointed date/ Re-appointed date	Dismissed date
Mr. Nguyen Quang Trung	Chairperson	08 th July 2026	-
Ms. Nguyen Le Quynh Nhu	Member	08 th July 2026	-
Mr. Nguyen Thanh Long	Member	08 th July 2026	-
Mr. Darryl James Dong	Member	08 th July 2026	-
Mr. Erkan Bilal	Member	22 nd May 2024	08 th July 2026
Mr. Nguyen Cong Nam	Member	24 nd April 2025	08 th July 2026

4.2. The General Director

The General Director of the Company during period and as of date of this report include:

Full name	Position	Appointed date/ Re-appointed date	Dismissed date
Mr. Nguyen Thanh Long	General Director	23 rd May 2024	-

4.3. The Audit Committee

The Audit Committee of the Company during period and as of date of this report include:

Full name	Position	Appointed date/ Re-appointed date	Dismissed date
Ms. Nguyen Le Quynh Nhu	Chairwoman	08 th July 2026	-
Mr. Nguyen Cong Nam	Chairwoman	25 th April 2025	08 th July 2026
Mr. Nguyen Quang Trung	Member	14 th August 2024	-

5. Legal representative

Legal representative of the Company during period and as of the date of this report is Mr. Nguyen Quang Trung – Chairperson and Mr. Nguyen Thanh Long - General Director.

6. Business results

The interim financial position and the interim business results for the six-month period ended 30th June 2026 of the Company are expressed in the interim financial statements attached to this report from page 07 to page 26.

7. Subsequent events

In the opinion of the General Director, the Company's the interim financial statements for the six-month period ended 30th June 2026 would not be seriously affected by any important items, transactions, or any extraordinary events happened to the date of this report, which need any adjustments to the figures or disclosures in the interim financial statements.

8. Auditors

VIETVALUES Audit and Consulting Co., Ltd. has been assigned to perform the review on the Company's interim Financial Statements for the six-month period ended 30th June 2026.

9. Responsibility of the General Director

The General Director of the Company is responsible for the preparation of the interim financial statements to give a true and fair view on the interim financial position, the interim business results and the interim cash flows of the Company for the period. In order to prepare these interim financial statements, the General Director must:

- Select appropriate accounting policies and apply them consistently;
- Make judgments and estimates reasonably and prudently;
- Announce the accounting standards to be followed for the material issues to be disclosed and explained in the interim financial statements;
- Prepare the interim financial statements of the Company on the basis of the going-concern assumption except for the cases that the going-concern assumption is considered inappropriate;
- Design and implementation of internal control systems effectively for the purpose of preparing and presenting the interim financial statements reasonably in order to minimize risk and fraud.

The General Director hereby ensures that all the requirements above have been followed in the preparation of the interim financial statements, that all the accounting books have been fully recorded by the company and can fairly reflect the financial position of the company at any time, and that all the interim financial statements have been prepared in compliance with the accounting standards, the prevailing Vietnamese enterprises' accounting regime.

The General Director of the Company is also responsible for protecting the Company's assets and consequently has taken appropriate measures to prevent and detect frauds and other irregularities.

HD CAPITAL JSC

Address: 7th Floor, No. 58 Nguyen Dinh Chieu street, Tan Dinh ward, Ho Chi Minh city.

Report of the General Director (cont.)

For the six-month period ended 30th June 2026

As at the date of this Report, members of the Board of Management and the General Director hereby confirm that there have been no events, which would require any adjustments to the figures or disclosures in the interim Financial Statements. No members of the Board of Management or the General Director obtain any benefits from contracts signed with any other companies or other parties.

10. Approving the interim financial statements

The General Director of the Company confirm that all the accompanying interim financial statements. The interim financial statements have been properly prepared and have given a true and fair view on the interim financial position as at 30th June 2026, the interim business results, the interim cash flows and the notes to the interim financial statements for the six-month period then ended of the Company, in compliance with the accounting standards, the prevailing Vietnamese enterprises' accounting regime, the accounting system to securities investment fund management company under Circular No. 125/2011/TT-BTC dated 05th September 2011 issued by the Ministry of Finance as well as legal regulations related to the preparation and presentation of the interim financial statements.

Ho Chi Minh city, 12th August 2026

Mr. NGUYEN THANH LONG
General Director

9175
G T
HÂN
LÝ Q
D
HỒ C
9175
G T
HÂN
VÀ T
I VI
HỒ C



No.: 120801/26/BCKT/AUD-VVALUES

REVIEW REPORTS ON INTERIM FINANCIAL INFORMATION

**To: SHAREHOLDERS, THE BOARD OF MANAGEMENT AND
THE GENERAL DIRECTOR
HD CAPITAL JOINT STOCK COMPANY**

We have reviewed the accompanying interim financial statements for the six-month period ended 30th June 2026 of HD Capital JSC (hereafter referred to as “the Company”), prepared on 12th August 2026, from page 07 to page 26 which comprise the interim Balance Sheet as at 30th June 2026, the interim Income Statement, the interim Cash Flows Statement, the Statement of Owners' Equity and the Notes to the interim Financial Statements for the six-month period then ended.

Responsibility of the General Director

The General Director of the Company is responsible for the preparation and fair presentation of these interim financial statements in accordance with the accounting standards, the accounting regime to securities investment fund management company under Circular No. 125/2011/TT-BTC dated 05th September 2011 issued by the Ministry of Finance as well as other related regulations and for such internal control as the General Director of the Company determines necessary to enable the preparation and presentation of interim financial statements that are free from material misstatement, whether due to fraud or error.

Auditor's responsibility

Our responsibility is to express a conclusion on this interim financial information based on our review. We conducted our review in accordance with the Vietnamese Standards on Review Engagements 2410 – Review of interim financial information performed by the independent auditor of the entity.

A review of interim financial information consists of making inquiries, primarily of persons responsible for financial and accounting matters, and applying analytical and other review procedures. A review is substantially less in scope than an audit conducted in accordance with the Vietnamese Standards and consequently does not enable us to obtain assurance that we would become aware of all significant matters that might be identified in an audit. Accordingly, we do not express an audit opinion.

Auditor's conclusion

Based on our review, nothing has come to our attention that causes us to believe that the accompanying interim financial information does not give a true and fair view, in all material respects, of the interim financial position of HD Capital JSC as at 30th June 2026, the interim business results and the interim cash flows and the Statement of Owners' Equity for the six-month period then ended in conformity with the Vietnamese accounting standards, the accounting system to securities investment fund management company under Circular No. 125/2011/TT-BTC dated 05th September 2011 issued by the Ministry of Finance as well as legal regulations related to the preparation and presentation of the interim financial statements.

Ho Chi Minh city, 12th August 2026

VIETVALUES Audit and Consulting Co., Ltd.



Hoang Thai Tan – Deputy General Director

Certificate of registration for practicing audit No. 2817-2025-071-1

Authorized signature

File:

- *As above.*
- **VIETVALUES.**

INTERIM BALANCE SHEET

As at 30th June 2026

INTERIM BALANCE SHEET

As at 30th June 2026

Currency: VND

Code	ASSETS	Notes	Ending balance of period	Beginning balance
1	2	3	4	5
100	A- CURRENT ASSETS AND SHORT-TERM INVESTMENTS		15,131,914,415	38,693,209,404
110	I. Cash and cash equivalents	5.1	10,325,397,246	18,286,875,411
111	1. Cash		6,989,975,326	9,286,875,411
112	2. Cash equivalents		3,335,421,920	9,000,000,000
120	II. Short-term financial investments	5.2	4,166,749,600	5,259,118,337
121	1. Short-term investments		4,982,692,655	6,075,060,871
129	2. Provision for devaluation of short-term investments		(815,943,055)	(815,942,534)
130	III. Accounts receivable		572,552,282	14,942,084,491
131	1. Trade receivables		-	-
132	2. Advance payments to suppliers	5.3	45,338,707	40,478,707
134	3. Professional operating receivables	5.4	517,933,316	14,901,605,784
135	4. Other receivables		9,280,259	-
139	5. Provision for doubtful debts		-	-
140	IV. Inventories		-	-
150	V. Other current assets		67,215,287	205,131,165
151	1. Short-term prepaid expenses	5.5	57,215,287	205,131,165
152	2. Deductible value-added tax (VAT)		-	-
154	3. Taxes and other receivables from the State		-	-
158	4. Tax receivables		10,000,000	-
200	B- FIXED ASSETS AND LONG-TERM INVESTMENTS		30,925,368,727	12,840,281,736
210	I. Long-term receivables		-	-
220	II. Fixed assets		1,058,750,954	1,341,116,654
221	1. Tangible fixed assets	5.6	71,867,636	33,050,000
222	- Historical cost		108,424,800	59,490,000
223	- Accumulated depreciation		(36,557,164)	(26,440,000)
227	2. Intangible fixed assets	5.7	986,883,318	1,308,066,654
228	- Historical cost		3,118,500,000	3,118,500,000
229	- Accumulated amortization		(2,131,616,682)	(1,810,433,346)
250	III. Long-term financial investments	5.8	29,014,916,138	11,188,506,000
258	1. Other long-term investments		30,683,041,008	11,188,506,000
259	2. Provision for devaluation of long-term financial investments (*)		(1,668,124,870)	-
260	IV. Other non-current assets		851,701,635	310,659,082
261	1. Long-term prepaid expenses	5.9	516,331,889	42,565,992
262	2. Deferred income tax assets		-	-
268	3. Other non-current assets	5.10	335,369,746	268,093,090
270	TOTAL ASSETS		46,057,283,142	51,533,491,140

HD CAPITAL JSC

Address: 7th Floor, No. 58 Nguyen Dinh Chieu street, Tan Dinh ward, Ho Chi Minh city.

INTERIM BALANCE SHEET (cont.)

As at 30th June 2026

Code	RESOURCES	Notes	Ending balance of period	Beginning balance
1	2	3	4	5
300	A- LIABILITIES		467,739,172	901,122,948
310	I. Short-term liabilities		467,739,172	901,122,948
311	1. Short-term loans and liabilities		-	-
312	2. Trade payables	5.11	155,569,877	75,346,514
313	3. Advance payments from customers		-	-
314	4. Taxes and Statutory obligations	5.12	116,786,814	201,720,051
315	5. Payables to employees		165,011,126	374,020,383
316	6. Accruals		30,000,000	250,036,000
319	7. Other short-term payables		371,355	-
330	II. Long-term liabilities		-	-
400	B- OWNERS' EQUITY		45,589,543,970	50,632,368,192
410	I. The owners' capital		45,589,543,970	50,632,368,192
411	1. The owners' invested capital	5.13	75,000,000,000	75,000,000,000
412	2. Surplus of share capital		-	-
413	3. Other capital of the owner		-	-
418	4. Financial reserve fund		-	-
419	6. Other funds of the owner's capital		-	-
420	5. Undistributed earnings after tax		(29,410,456,030)	(24,367,631,808)
440	TOTAL RESOURCES		46,057,283,142	51,533,491,140

INTERIM BALANCE SHEET (cont.)

As at 30th June 2026

OFF - BALANCE SHEET ITEMS

Code	Items	Notes	Ending balance of period	Beginning balance
1.	Assets under lease		-	-
2.	Materials, valuable certificates held under trust		-	-
3.	Collateral property		-	-
4.	Bad debts written off		741,442,372	741,442,372
5.	Foreign currencies		-	-
6.	Custody securities of fund management company	5.14	26,198,400,000	12,183,900,000
	<i>In which:</i>			
	6.1. Trading Securities		26,190,900,000	12,183,900,000
	6.2. Securities pending settlement		7,500,000	-
7.	Non-custody securities of fund management company		-	-
8.	Deposits of entrusted investors		1,988,656,380	1,343,425,665
8.1	Deposits of entrusted investors in domestic	5.15	1,988,656,380	1,343,425,665
9.	Investment portfolio of entrusted investors		986,918,643,740	986,918,643,740
9.1	Entrusted investors in domestic	5.16	986,918,643,740	986,918,643,740
10.	Receivables from entrusted investors		-	-
11.	Payables to entrusted investors		228,092,190	271,722,098

Ho Chi Minh city, 12th August 2026

Prepared by / Accountant in-charge



TRUONG NGOC NHU QUYNH

General Director



NGUYEN THANH LONG

INTERIM INCOME STATEMENT

For the six-month period ended 30th June 2026

INTERIM INCOME STATEMENT

For the six-month period ended 30th June 2026

Currency: VND

Code	ITEMS	Notes	Current period	Previous period
1	2	3	4	5
01	1. Revenues	6.1	2,047,963,302	1,141,475,566
02	2. Revenue deductions		-	-
10	3. Net revenue from operating activities (10=01-02)		2,047,963,302	1,141,475,566
11	4. Operating expenses, cost of goods sold	6.2	2,381,041,908	1,297,673,884
20	5. Gross profit from operating activities (20=10-11)		(333,078,606)	(156,198,318)
21	6. Income from financial activities	6.3	2,342,403,890	810,242,083
22	7. Expenses from financial activities	6.4	2,004,277,603	89,937,242
25	8. General & administration expenses	6.5	5,047,871,903	4,616,825,265
30	9. Net profit from operating activities (30=20-25)		(5,042,824,222)	(4,052,718,742)
31	10. Other income		-	543,296,882
32	11. Other expenses		-	543,296,882
40	12. Other profit (40=31-32)		-	-
50	13. Total pre-tax accounting profit (50=30+40)		(5,042,824,222)	(4,052,718,742)
51	14. Current corporate income tax (CIT) expense	6.6	-	-
52	15. Deferred corporate income tax expense		-	-
60	16. Profit after corporate income tax (60=50-51-52)		(5,042,824,222)	(4,052,718,742)
70	17. Gains on stock	6.7	(672)	(605)
71	18. Diluted gains on stock	6.8	(672)	(605)

Ho Chi Minh city, 12th August 2026

Prepared by / Accountant in-charge



TRUONG NGOC NHU QUYNH

General Director



NGUYEN THANH LONG

INTERIM CASH FLOWS STATEMENT

(As per Direct Method)

For the six-month period ended 30th June 2026

Currency: VND

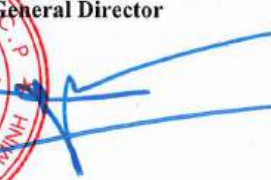
Co de	Items	Notes	Current period	Previous period
1	2	3	4	5
	I. CASH FLOWS FROM OPERATING ACTIVITIES			
01	1. Revenues from sale of goods and rendering of services		16,442,078,941	1,407,215,153
02	2. Payments for goods/services provider		(1,708,944,480)	(1,963,125,799)
03	3. Payments for employees		(4,595,535,032)	(3,456,705,008)
04	4. Interest paid		-	-
05	5. Corporate income tax paid		-	-
06	6. Other cash inflows from operating activities		96,829,277	-
07	7. Other cash outflows from operating activities		(1,273,483,362)	(1,008,216,965)
20	Net cash inflows/(outflows) from operating activities		8,960,945,344	(5,020,832,619)
	II. CASH FLOWS FROM INVESTMENT ACTIVITIES			
21	1. Purchase of fixed assets and other long-term assets		(392,549,086)	(250,000,000)
22	2. Proceeds from disposals of fixed assets and other long-term assets		-	-
23	3. Loans to other entities and payments for purchase of debt instruments of other entities		(18,502,614,976)	-
24	4. Repayments from borrowers and proceeds from sales of debt instruments of other entities		17,237,589,000	2,141,041,096
25	5. Payments for investments in other entities		(17,014,025,600)	(36,204,783,550)
26	6. Proceeds from sales of investments in other entities		515,038,550	22,345,555,742
27	7. Interest and dividends received		1,234,138,603	468,876,515
30	Net cash inflows/(outflows) from investing activities		(16,922,423,509)	(11,499,310,197)
	III. CASH FLOWS FROM FINANCING ACTIVITIES			
31	1. Capital contribution		-	-
32	2. Capital redemption		-	-
33	3. Long-and short-term borrowings		-	-
34	4. Loan repayment		-	-
35	5. Financial lease principal paid		-	-
36	6. Dividend paid		-	-
40	Net cash inflows/(outflows) from financing activities		-	-
50	Net cash inflows/(outflows) (50=20+30+40)		(7,961,478,165)	(16,520,142,816)
60	Cash and cash equivalents at the beginning of the year	5.1	18,286,875,411	29,232,927,281
61	Impact of exchange rate fluctuation		-	-
70	Cash and cash equivalents at the end of the year (70=50+60+61)	5.1	10,325,397,246	12,712,784,465

Prepared by / Accountant in-charge



TRUONG NGOC NHU QUYNH

Ha Chi Minh city, 12th August 2026
General Director

NGUYEN THANH LONG

HD CAPITAL JSC

Address: 7th Floor, No. 58 Nguyen Dinh Chieu street, Tan Dinh ward, Ho Chi Minh city.

THE STATEMENT OF OWNERS' EQUITY

For the six-month period ended 30th June 2026

THE STATEMENT OF OWNERS' EQUITY

For the six-month period ended 30th June 2026

Currency: VND

Currency: PKR

ITEMS	Notes	Beginning balance		Increase (decrease)				Ending balance of period	
				Current period		Previous period			
		As at 01st January 2026	As at 01st January 2025	Increase	Decrease	Increase	Decrease	As at 30th June 2026	As at 30th June 2025
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8
1. The owner's invested capital		75,000,000,000	50,000,000,000	-	-	25,000,000,000	-	75,000,000,000	75,000,000,000
2. Undistributed earnings after tax		(24,367,631,808)	(24,559,288,007)	-	(5,042,824,222)	-	(4,052,718,742)	(29,410,456,030)	(28,612,006,749)
Total		50,632,368,192	25,440,711,993	-	(5,042,824,222)	25,000,000,000	(4,052,718,742)	45,589,543,970	46,387,993,251

Prepared by / Accountant in-charge



TRUONG NGOC NHU QUYNH

Ho Chi Minh city, 12th August 2026

General Director



NGUYEN THANH LONG

NOTES TO THE INTERIM FINANCIAL STATEMENTS

For the six-month period ended 30th June 2026

1. OPERATION FEATURES

1.1 Forms of ownership

The Company is joint stock company.

1.2 Lines of business

Securities investment fund management.

1.3 Total number of employees

As at the accounting period ended, the total number of employees of the Company was 24 employees (there was 25 employees at the beginning of year).

1.4 Business activities

- Securities investment fund management.
- Securities investment consulting.
- Securities investment portfolio management.

1.5 The Company's operations in period affect the interim financial statements

Revenue in current period increased by 79.41% compared to previous period; however, financial expenses from financial activities in current period increased by 2,128.53% compared to previous period (primarily due to making provision for devaluation of trading securities), resulting in a remaining total accounting loss before tax in current period.

2. ACCOUNTING PERIOD, AND REPORTING CURRENCY

2.1 The Company's fiscal year

The fiscal year starts on 01st January and ends on 31st December of each calendar year.

These are the interim financial statements for the six-month period ended 30th June 2026, from 01st January 2026 to 30th June 2026

2.2 Reporting currency and methods of foreign currency translation

The standard currency unit used is Vietnam Dong (VND).

3. ADOPTED ACCOUNTING REGIME

3.1 Applicable accounting regime

The Company has applied the accounting regime in accordance with the Circular No. 125/2011/TT-BTC dated 05th September 2011 of Ministry of Finance on guiding the accounting regime to securities investment fund management company.

3.2 Statement on the compliance with the Vietnamese accounting system and standard

General Director of HD Capital JSC ensures to follow all the requirements of the prevailing Accounting Laws, the Accounting Regime and Standards to securities investment fund management company which are regulated in accordance with the Circular No. 125/2011/TT-BTC dated 05th September 2011 of Ministry of Finance.

3.3 Registered accounting documentation system: Computerized general journal recording.

4. APPLIED ACCOUNTING POLICIES

4.1 Principles for recognizing cash and cash equivalents

- Cash includes cash on hand, cash in transit and call deposits.
- Principles for determining cash equivalents: includes cash and cash equivalents include cash on hand, cash in bank, cash in transit and the short-term securities of which the due dates can not exceed 3 (three) months from the dates of the investments and the convertibility into cash is easy, and which do not have a lot of risks in the conversion into cash.

4.2 Principles for recognizing financial investments

Trading securities

The investments are classified as trading securities if the company intends to hold for profit-making purpose.

Trading securities are recorded in the accounting books at their historical cost. Historical cost of trading securities is determined by the fair value of the payments as of the date transactions arise plus the expenses related to transaction of purchasing trading securities.

Trading securities is recognized as at the time the Company has the ownership, details are as follows:

- For listed securities: is recognized as at the time of order matching (T+0).
- For unlisted securities: is recognized as at the time of formal ownership in accordance with law.

When trading securities are purchased, their interests, dividends and profits from previous years are accounted in reducing their value. And their interests, dividends and profits of following years are recognized in the income from financial activities. Received dividends by stocks are only monitored as the number of stocks increases, not to be recorded as the received stocks.

Provision for devaluation of trading securities is made for each particular type of securities in the market and for which the market value lower of their historical costs. The determination of the fair value of trading securities listed on the stock market or traded on UPCOM, the fair value of the stock is the closing price at the balance sheet date. If the stock market or UPCOM is not traded as at the balance sheet date, the fair value of stocks is the closing price of preceding trading session.

Increase/Decrease in the balance of provision for devaluation of trading securities must be make as at the accounting period ended and are recognized in the expenses from financial activities.

4.3 Trade receivables and other receivables

Trade receivables and other receivables are recognized in accordance with invoices and vouchers. Provisions arising are recognized in the general & administration expenses during year.

Provisions for doubtful receivables are prepared for each doubtful receivable based on the overdue debts or the estimated losses which may arise.

4.4 Prepaid expenses

Prepaid expenses include the actual arising costs but related to the operating results of numerous accounting periods.

4.5 Tangible fixed assets

Tangible fixed assets are determined by the historical costs less (-) accumulated depreciation.

Historical costs of tangible fixed assets include all the expenses of the company to have these fixed assets as of the dates they are ready to be put into use. Other expenses incurred subsequent to the initial recognition are included in historical costs of fixed assets only if they certainly bring more economic benefits in the future thanks to the use of these assets. Those which do not meet the above conditions will be recorded into expenses during the period.

When tangible fixed assets are disposed or liquidated, their historical costs and accumulated depreciation are written off, then any profit (or loss) generated from the liquidation is included in the income or the expenses during the period.

Tangible fixed assets are depreciated in line with straight-line method to gradually write off the historical costs of fixed assets over their estimated useful lives. The depreciation years of tangible fixed assets applied are as follows:

<u>Kinds of tangible fixed assets</u>	<u>Years</u>
Management equipments, tools	05

4.6 Intangible fixed assets

Intangible fixed assets are determined by the historical costs less (-) accumulated amortization.

Historical costs of intangible fixed assets include all the expenses of the company to have these fixed assets as of the dates they are ready to be put into use. Other expenses incurred subsequent to the initial recognition are included in expenses during the period only if they attached to the specific intangible fixed asset and bring more economic benefits thanks to the use of these assets.

When intangible fixed assets are disposed or liquidated, their historical costs and accumulated amortization are written off, then any profit (or loss) generated from the liquidation is included in the income or the expenses during the period.

The Company's intangible fixed assets include:

Computer software

Costs related to computer software programs is not an integral part of the related hardware is capitalized. Historical costs of computer software include all the expenses of the Company to pay until the date the software is put into use.

<u>Kinds of intangible fixed assets</u>	<u>Years</u>
Software	03

4.7 Principles for recognizing accrual expenses

Accrual expenses are recognized when the Company has obligations which must be paid and can be reliably estimated.

4.8 Principles for recognizing owners' equity

- Owners' invested capital: is owner's actual capital and approved by the State Securities Commission;
- Surplus of share capital: differences between issued actual value and the nominal value of stocks in joint stock companies when they issue stocks and re-issue treasury stocks;
- Principles for recognizing undistributed earnings: undistributed earnings after tax on Balance Sheet is profit (profit or loss) from the company's operation after (-) corporation income tax (CIT) and adjusts due to applying retroactive effect of the change accounting policy and adjusting, material mistakes retroactive of the previous year;
- Appropriation principles for funds from after-tax profits: in accordance with the Company's Charter and the Resolution of the General Meeting of Shareholders.

4.9 Recognition of revenue and income

Revenue is recognised to the extent that it is probable that the economic benefits will flow to the Company and the revenue can be reliably measured.

Revenues from rendering of services

Revenues from rendering of services transaction are recognized when the result of transaction is determined reliably. Where the service is rendered during numerous periods, revenue in period is recognized based on the results of work completely as at balance sheet date. The results of rendering of services transaction are determined when satisfying all the following conditions:

- Revenue is determined rather reliably;
- Be able to gain economic benefits from the transactions;
- Determining work completely as at Balance Sheet date;
- Determining expenses related to rendering of services.

Income from financial activities

Income from trading securities investment activities and interest on deposits are recognized on an accrual basis, unless the recoverability of the securities investment income and interest is uncertain.

Dividends and divided profits

Dividends and divided profits are recorded as the Company has the right to receive dividends or profits from the capital contribution. Received dividends by stocks are only monitored as the number of stocks increases, not to be recorded as the received stocks.

4.10 Principles and method for recognizing current Corporate income tax expense

Corporate income tax expenses include current corporate income tax and deferred corporate income tax.

■ Current corporate income tax

Current corporate income tax expense is recognized based on taxable income. Taxable income is different from accounting profit due to the adjustments of temporary differences between tax and accounting figures as well as those of non-taxable or non-deductible income and expenses.

Current corporate income tax (CIT) rate: 20%

■ Deferred corporate income tax

Deferred income tax is the amount of corporate income tax payable or refundable due to temporary differences between book values of assets and liabilities serving the preparation of the financial statements and the values for tax purposes. Deferred income tax liabilities are recognized for all the temporary taxable differences. Deferred income tax assets are recorded only when there is an assurance on the availability of taxable income in the future against which the temporarily deductible differences can be used.

Book values of deferred corporate income tax assets are considered at the balance sheet dates and will be reduced to the rates that ensure enough taxable income against which the benefits from a part of or all of the deferred income tax can be used.

Deferred income tax assets and deferred income tax liabilities are determined at the estimated rates to be applied in the year when the assets are recovered or the liabilities are settled based on the effective tax rates as of the balance sheet date. Deferred income tax is recognized in the income statement. In the case that deferred income tax is related to the items of the owner's equity, corporate income tax will be included in the owner's equity of the company.

4.11 Related parties

- A party is considered a related party of the company in case that party is able to control the company or to cause material effects on the financial decisions as well as the operations of the company. A party also is considered a related party of the company in case that party is under common control or significant influence.
- In considering each possible related party relationship, attention is directed to the substance of the relationship, and not merely the legal form.

HD CAPITAL JSCAddress: 7th Floor, No. 58 Nguyen Dinh Chieu street, Tan Dinh ward, Ho Chi Minh city.**Notes to the interim Financial Statements (cont.)**For the six-month period ended 30th June 2026**5. ADDITIONAL INFORMATION FOR ITEMS SHOWN IN THE ITERIM BALANCE SHEET (Currency: VND)****5.1. Cash and cash equivalents**

	Ending balance of period	Beginning balance
- Cash on hand	5,345,344,000	-
- Demand deposits	1,644,631,326	9,286,875,411
<i>In which:</i>		
+ Ho Chi Minh city Development Joint Stock Commercial Bank (HDBank)	514,939,740	9,022,570,830
+ Other banks	1,129,691,586	264,304,581
- Bank deposits with a term of less than 3 months	3,335,421,920	9,000,000,000
Total	10,325,397,246	18,286,875,411

5.2. Short-term financial investments

	Ending balance of period	Beginning balance
- Historical cost of short-term financial investments	4,982,692,655	6,075,060,871
+ MB Securities Joint Stock Company (MBS)	1,620,471,300	1,798,576,300
+ Other investments	3,362,221,355	4,276,484,571
- Provision for devaluation of short-term financial investments	(815,943,055)	(815,942,534)
Total	4,166,749,600	5,259,118,337

5.3. Advance payments to suppliers

	Ending balance of period	Beginning balance
- Advance payments to other suppliers	45,338,707	40,478,707
Total	45,338,707	40,478,707

HD CAPITAL JSCAddress: 7th Floor, No. 58 Nguyen Dinh Chieu street, Tan Dinh ward, Ho Chi Minh city.**Notes to the interim Financial Statements (cont.)**For the six-month period ended 30th June 2026**5.4. Professional operating receivables**

	Ending balance of period	Beginning balance
<i>Receivables from activities of investment portfolio management</i>	<i>228,092,190</i>	<i>271,722,098</i>
- An Khanh New City Development Joint Venture Co., Ltd.	74,794,517	125,753,422
- Others	153,297,673	145,968,676
<i>Receivables from activities of investment consulting</i>	<i>36,400,000</i>	<i>14,336,400,000</i>
- Others	36,400,000	14,336,400,000
<i>Receivables from activities of fund management</i>	<i>253,441,126</i>	<i>293,483,686</i>
- HD High-yield Bond Fund	42,849,236	44,294,872
- Golden Dragon Equity Growth Fund	44,794,544	46,964,189
- Potential Enterprise Investment Fund	165,797,346	202,224,625
Total	517,933,316	14,901,605,784

5.5. Short-term prepaid expenses

	Ending balance of period	Beginning balance
- Tools in use	53,573,617	112,077,831
- Others	3,641,670	93,053,334
Total	57,215,287	205,131,165

5.6. Tangible fixed assets

	Management equipments, tools	Total
Historical cost		
Beginning balance	59,490,000	59,490,000
Increase during period	48,934,800	48,934,800
Decrease during period	-	-
Ending balance of period	108,424,800	108,424,800
Depreciation		
Beginning balance	26,440,000	26,440,000
Depreciation during period	10,117,164	10,117,164
Ending balance of period	36,557,164	36,557,164
Net book value		
Beginning balance	33,050,000	33,050,000
Ending balance of period	71,867,636	71,867,636

5.7. Intangible fixed assets

	Computer software	Total
Historical cost		
Beginning balance	3,118,500,000	3,118,500,000
Increase during period	-	-
Decrease during period	-	-
Ending balance of period	3,118,500,000	3,118,500,000
Amortization		
Beginning balance	1,810,433,346	1,810,433,346
Amortization during period	321,183,336	321,183,336
Ending balance of period	2,131,616,682	2,131,616,682
Net book value		
Beginning balance	1,308,066,654	1,308,066,654
Ending balance of period	986,883,318	986,883,318

5.8. Long-term financial investments

	Ending balance of period	Beginning balance
- Historical cost of long-term financial investments	30,683,041,008	11,188,506,000
<i>In which:</i>		
+ CII425021 bond	21,745,950,558	5,051,835,550
+ Others	8,937,090,450	6,136,670,450
- Provision for devaluation of long-term financial investments	(1,668,124,870)	-
Total	29,014,916,138	11,188,506,000

5.9. Long-term prepaid expenses

	Ending balance of period	Beginning balance
- Tools in use	516,331,889	42,565,992
Total	516,331,889	42,565,992

5.10. Other non-current assets

	Ending balance of period	Beginning balance
- Deposits, mortgages	335,369,746	268,093,090
Total	335,369,746	268,093,090

HD CAPITAL JSCAddress: 7th Floor, No. 58 Nguyen Dinh Chieu street, Tan Dinh ward, Ho Chi Minh city.**Notes to the interim Financial Statements (cont.)**For the six-month period ended 30th June 2026**5.11. Trade payables**

	Ending balance of period	Beginning balance
- Binh Minh Viet Design Consultant and Investment Construction Co., Ltd.	84,422,356	-
- FPT International Telecom Co., Ltd.	63,250,000	63,250,000
- Others	29,069,877	12,096,514
Total	155,569,877	75,346,514

5.12. Taxes and Statutory obligations

	Beginning balance		Arising during period		Ending balance of period	
	Payable	Receivable	Payable	Already paid	Payable	Receivable
- Value added tax (VAT)	-	-	-	-	-	-
- Corporate income tax (CIT)	-	-	-	-	-	-
- Personal income tax (PIT)	201,720,051	-	390,236,919	(475,170,156)	116,786,814	-
Total	201,720,051	-	390,236,919	(475,170,156)	116,786,814	-

5.13. Owners' equity**a. Details of the owners' invested equity**

	Ending balance of period		Beginning balance	
	Already contributed capital	Proportion (%)	Already contributed capital	Proportion (%)
- Mr. Pham Van Dau	39,000,000,000	52.00	39,000,000,000	52.00
- Others	36,000,000,000	48.00	36,000,000,000	48.00
Total	75,000,000,000	100.00	75,000,000,000	100.00

b. Transactions on capital with owners

	Current period	Previous period
Owners' invested equity		
Beginning balance	75,000,000,000	50,000,000,000
Increase during the period	-	25,000,000,000
Decrease during the period	-	-
Ending balance of period	75,000,000,000	75,000,000,000

c. *Stocks*

	Ending balance of period	Beginning balance
Number of stocks being registered to issue	7,500,000	7,500,000
<i>Common stocks</i>	7,500,000	7,500,000
<i>Preferential stocks</i>	-	-
Number of stocks already issued/public offering	7,500,000	7,500,000
<i>Common stocks</i>	7,500,000	7,500,000
<i>Preferential stocks</i>	-	-
Number of buy-back stocks	-	-
<i>Common stocks</i>	-	-
<i>Preferential stocks</i>	-	-
Number of outstanding stocks	7,500,000	7,500,000
<i>Common stocks</i>	7,500,000	7,500,000
<i>Preferential stocks</i>	-	-
Nominal value of outstanding stocks (VND/stock)	10,000	10,000

5.14. **Custody securities of fund management company**

This is the value of the securities held by the Company at par value as of the end of the period.

	Ending balance of period	Beginning balance
- Value of securities-share (par value 10,000/share)	1,961,000,000	2,212,000,000
- Value of securities-share (par value 100,000/bond)	24,237,400,000	9,971,900,000
Total	26,198,400,000	12,183,900,000

5.15. **Deposits of entrusted investors in domestic**

	Current period	Previous period
Beginning balance	1,137,112,933	400,079,753
Increase in period	24,394,357,677	255,081,215,864
- Interest from investors' deposits	1,648,948	11,610,763
- Receiving entrusted money	-	67,600,000,000
- Payment deposit	222,052,729	156,284,101
- Selling securities	-	185,039,660,000
- Dividends received	24,170,656,000	2,273,661,000
Decrease in period	23,542,814,230	(254,993,756,226)
- Management fees	272,158,230	(539,061,972)
- Withdraw entrusted capital and interest	23,270,656,000	(240,505,500,816)
- Purchase of securities	-	(13,949,193,438)
Ending balance of period	1,988,656,380	487,539,391

HD CAPITAL JSCAddress: 7th Floor, No. 58 Nguyen Dinh Chieu street, Tan Dinh ward, Ho Chi Minh city.**Notes to the interim Financial Statements (cont.)**For the six-month period ended 30th June 2026**5.16. Investment portfolio of entrusted investors in domestic***As at 30th June 2026*

Items	Investment value [1]	Market value [2]	Increase/(Decrease) [2]-[1]
a) Entrusted investors in domestic			
Listed stocks	680,627,420,000	1,195,306,564,200	514,679,144,200
SIP	145,523,590,000	179,622,004,200	34,098,414,200
VRG	27,600,000,000	11,600,000,000	(16,000,000,000)
QTP	1,454,230,000	1,180,000,000	(274,230,000)
PET	506,049,600,000	1,002,904,560,000	496,854,960,000
Unlisted stocks	306,291,223,740	303,723,223,740	(2,568,000,000)
Ariyana Hotel and Tourism JSC (*)	200,000,000,000	200,000,000,000	-
City Housing Development Real Estate Business JSC (HDBank) (*)	72,666,223,740	72,666,223,740	-
Dai Viet Securities Incorporation (*)	30,625,000,000	30,625,000,000	-
Utxi Aquatic Products Processing Corporation (UXC)	3,000,000,000	432,000,000	(2,568,000,000)
Total	986,918,643,740	1,499,029,787,940	512,111,144,200

(*) Unlisted stocks do not have a market transaction value, the market value is determined according to the investment value because there is not enough reliable basis to determine the market price.

As at 31st December 2025

Items	Investment value [1]	Market value [2]	Increase/(Decrease) [2]-[1]
a) Entrusted investors in domestic			
Listed stocks	680,627,420,000	830,750,016,400	150,122,596,400
SIP	145,523,590,000	187,835,336,400	42,311,746,400
VRG	27,600,000,000	14,400,000,000	(13,200,000,000)
QTP	1,454,230,000	1,250,000,000	(204,230,000)
PET	506,049,600,000	627,264,680,000	121,215,080,000
Unlisted stocks	306,291,223,740	304,011,223,740	(2,280,000,000)
Ariyana Hotel and Tourism JSC (*)	200,000,000,000	200,000,000,000	-
City Housing Development Real Estate Business JSC (HDBank) (*)	72,666,223,740	72,666,223,740	-
Dai Viet Securities Incorporation (*)	30,625,000,000	30,625,000,000	-
Utxi Aquatic Products Processing Corporation (UXC)	3,000,000,000	720,000,000	(2,280,000,000)
Total	986,918,643,740	1,134,761,240,140	147,842,596,400

(*) Unlisted stocks do not have a market transaction value, the market value is determined according to the investment value because there is not enough reliable basis to determine the market price.

6. ADDITIONAL INFORMATION FOR ITEMS SHOWN IN THE INTERIM INCOME STATEMENTS (Currency: VND)

6.1. Revenues

	Current period	Previous period
- Activities of investment portfolio management	790,401,973	670,348,596
- Activities of securities investment consulting	218,400,000	218,400,000
- Services of investment fund management	1,039,161,329	252,726,970
Total	2,047,963,302	1,141,475,566

6.2. Operating expenses, cost of goods sold

These are costs directly related to activities of investment portfolio management, securities investment consulting and investment fund management.

	Current period	Previous period
- Costs related to activities of investment portfolio management and securities investment consulting	2,381,041,908	1,297,673,884
Total	2,381,041,908	1,297,673,884

6.3. Income from financial activities

	Current period	Previous period
- Interest on bank deposits, bonds	701,356,580	471,210,780
- Profit from securities trading activities	1,570,257,446	339,031,303
- Dividends distributed	70,789,864	-
Total	2,342,403,890	810,242,083

6.4. Expenses from financial activities

	Current period	Previous period
- Losses from securities trading activities	326,895,312	24,477,166
- Provision/(Reversal of provision) for devaluation of investments	1,668,125,391	65,460,076
- Others	9,256,900	-
Total	2,004,277,603	89,937,242

6.5. General & administration expenses

	Current period	Previous period
- Wage and salary	2,438,708,779	2,242,335,340
- Office equipments and tools	97,413,792	73,387,826
- Depreciation/Amortization	331,300,500	307,765,002
- Outsourcing expenses	1,712,266,359	1,650,876,446
- Others	468,182,473	342,460,651
Total	5,047,871,903	4,616,825,265

HD CAPITAL JSCAddress: 7th Floor, No. 58 Nguyen Dinh Chieu street, Tan Dinh ward, Ho Chi Minh city.**Notes to the interim Financial Statements (cont.)**For the six-month period ended 30th June 2026**6.6. Current corporate income tax expense**

	Current period	Previous period
Total pre-tax accounting profit	(5,042,824,222)	(4,052,718,742)
Increase/ Decrease adjustments of accounting profit to determine profit subject to corporate income tax:		
- Increase adjustments	-	-
- Decrease adjustments	-	-
+ Dividends distributed	-	-
Taxable income	(5,042,824,222)	(4,052,718,742)
Transferred losses from previous years (*)	-	-
Taxed income	-	-
Corporate income tax (CIT) rate	20%	20%
Corporate income tax (CIT) payable from taxed income during period	-	-
Adjusting corporate income tax payable in previous years	-	-
Total corporate income tax payable	-	-

Schedule of tax losses carried forward:

Year of taxable loss	Taxable loss carried forward	Taxable losses carried forward from previous periods	Taxable losses carried forward in current	Taxable loss is carried forward to subsequent periods
2021	(828,474,238)	368,719,808	-	(459,754,430)
2022	(6,895,887,791)	-	-	(6,895,887,791)
2023	(10,918,508,308)	-	-	(10,918,508,308)
2024	(890,182,169)	-	-	(890,182,169)
Total	(19,533,052,506)	368,719,808	-	(19,164,332,698)

6.7. Gains on stock

	Current period	Previous period
Accounting profit after corporate income tax	(5,042,824,222)	(4,052,718,742)
Increase/decrease adjustments accounting profit to determine profit is distributed to shareholders who own common stocks:		
- Appropriation of bonus and welfare funds	-	-
Profit is used to calculate gains on stock	(5,042,824,222)	(4,052,718,742)
Average outstanding common stocks during year (stock)	7,500,000	6,698,895
Gains on stock (VND/stock)	(672)	(605)

HD CAPITAL JSCAddress: 7th Floor, No. 58 Nguyen Dinh Chieu street, Tan Dinh ward, Ho Chi Minh city.**Notes to the interim Financial Statements (cont.)**For the six-month period ended 30th June 2026**6.8. Diluted gains on stock**

	Current period	Previous period
Accounting profit after corporate income tax	(5,042,824,222)	(4,052,718,742)
Increase/decrease adjustments accounting profit to determine profit is distributed to shareholders who own common stocks:		
- Appropriation of bonus and welfare funds	-	-
Profit is used to calculate diluted gains on stock	(5,042,824,222)	(4,052,718,742)
Average outstanding common stocks during year (stock)	7,500,000	6,698,895
Diluted gains on stock (VND/stock)	(672)	(605)

7. OTHER INFORMATION (Currency: VND)**7.1 Transactions with related parties****7.1.1 Income of members of key management (members of the Board of Management, the General Director) of the Company**

	Current period	Previous period
Remuneration	210,000,000	170,000,000
Mr. Nguyen Quang Trung (Chairperson)	90,000,000	90,000,000
Mr. Nguyen Thanh Long (Member of the Board of Management)	60,000,000	60,000,000
Ms Nguyen Le Quynh Nhu (Member of the Board of Management)	60,000,000	20,000,000
Wage and salary	921,100,000	910,857,000
Mr. Nguyen Thanh Long (General Director)	921,100,000	910,857,000
Total	1,131,100,000	1,080,857,000

7.1.2 Transactions with other related parties

Related parties	Relationship	Transaction	Current period	Previous period
HD High Yield Bond Fund ("HDBOND")	This is an open-ended fund managed by HD Joints Stock Company (HDCapital)	Fund management service fee revenue	262,226,878	252,726,970
Potential Enterprise Investment Fund ("PEIF")	This is a member fund managed by HD Joints Stock Company (HDCapital)	Fund management service fee revenue	496,854,563	-

HD CAPITAL JSC

Address: 7th Floor, No. 58 Nguyen Dinh Chieu street, Tan Dinh ward, Ho Chi Minh city.

Notes to the interim Financial Statements (cont.)

For the six-month period ended 30th June 2026

Related parties	Relationship	Transaction	Current period	Previous period
Golden Dragon Equity Growth Fund ("GDEGF")	This is a member fund managed by HD Joints Stock Company (HDCapital)	Fund management service fee revenue	276,794,398	-

7.2 Segment Reporting

▪ *Segment information according to business field*

The Company's revenue generated during the period mainly comes from activities of investment portfolio management services, open-end fund management and securities investment consulting.

▪ *Segment information according to geography*

Whole activities of the Company take place only in the territory of Vietnam.

7.3 Going-concern assumption

As at the date of the interim financial statements, there is not any factor which affect the going-concern assumption of the Company. Therefore, the interim financial statements for the six-month period ended 30th June 2026 are prepared on the basis of the going-concern assumption.

7.4 Subsequent events

The Company has not arisen other events after the accounting period ended 30th June 2026 which need any adjustments to the figures or disclosures in the interim financial statements.

Prepared by / Accountant in-charge



TRUONG NGOC NHU QUYNH

Ho Chi Minh city, 12th August 2026

General Director



NGUYEN THANH LONG